TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2025/DS-ST
Ngày: 26 - 8 - 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hoàng Nam

2. Bà Lê Thị Hoàng Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 307/2025/TLST–DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST–DS ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2025/QĐST–DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2 Tòa nhà S, phường B, Quận M, Thành phố H.

Nay địa chỉ mới là: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2 Tòa nhà S, Phường S, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Ngân hàng bán lẻ Miền Nam

(Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2025)

Ủy quyền lại cho: Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1997

Địa chỉ liên hệ: 176 N, Phường S, Quận B, Thành phố H.

Nay địa chỉ mới là: 176 N, phường X, Thành phố H.

(Văn bản ủy quyền ngày 15/5/2025)

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện B, Thành phố H.
Nay địa chỉ mới là: Ấp S, xã T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trình bày:

Ngày 10/6/2019 ông Phạm Văn T có ký Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V (sau đây gọi chung là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/6/2019) với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng V). Căn cứ vào thu nhập của ông T, Ngân hàng V đã đồng ý cấp cho ông T 01 (một) Thẻ tín dụng VFFree (Classic), số thẻ 5128240001009164, hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân.

Kể từ ngày được cấp và kích hoạt thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 318.097.015 đồng (Ba trăm mười tám triệu không trăm chín mươi bảy nghìn không trăm mười lăm đồng) và chỉ thanh toán lại cho Ngân hàng V số tiền 224.512.990 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu năm trăm mười hai nghìn chín trăm chín mươi đồng) theo thứ tự thanh toán được quy định tại khoản 8.1 Điều 8 của Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V. Sau đó, ông T đã không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận mặc dù đã được Ngân hàng V nhiều lần nhắc nhở.

Ngoài ra, vào ngày 05/10/2020 Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh G – Phòng Giao dịch T (gọi tắt là Ngân hàng V) và ông Phạm Văn T có thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 4477130.20 để cho ông T vay số tiền 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng); lãi suất trong hạn là 9,2%/năm được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn 12 tháng thì lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 06/10/2021; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay để mua ô tô; thời hạn vay 96 tháng; phương thức thanh toán dư nợ giảm dần, nợ gốc và lãi trả định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, mỗi tháng trả số tiền gốc là 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng), tháng cuối trả số tiền gốc là 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền lãi phải trả tương ứng với dư nợ gốc; kỳ thanh toán đầu tiên vào ngày 10/11/2020. Ngân hàng đã giải ngân cho ông T đủ số tiền 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng) vào ngày 06/10/2020 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4477130(1).20 ngày 06/10/2020.

Để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của các hợp đồng tín dụng đã ký, ông T đồng ý thế chấp cho Ngân hàng V tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân ông T là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu KIA SELTOS, màu sơn đỏ-đen, số khung là RNYED51D7LC189954, số máy là G4LDLD074266, biển số 51H-796.64 theo Chứng nhận Đăng ký Xe Ô tô số 605701 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2020 cho ông Phạm Văn T theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1051909.20 ngày 05/10/2020 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký Giao dịch, Tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản, ông Phạm Văn T đang độc thân. Hiện nay, Ngân hàng V đang giữ bản chính Chứng nhận Đăng ký Xe Ô tô nêu trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền gốc và tiền lãi là 376.263.292 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm chín mươi hai đồng), trong đó tiền gốc là 206.700.000 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu bảy trăm nghìn đồng); tiền lãi là 169.563.292 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm chín mươi hai đồng). Sau đó, ông T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng mặc dù đã được Ngân hàng V nhiều lần liên hệ nhắc nhở.

Nay Ngân hàng V yêu cầu ông T phải thanh toán cho Ngân hàng V các khoản nợ như sau:

- Số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/6/2019 tính đến ngày 28/11/2024 là 75.901.165 đồng (Bảy mươi lăm triệu chín trăm lẻ một nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó dư nợ gốc là 39.660.595 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn là 15.458.328 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn ba trăm hai mươi tám đồng) và phí là 20.781.242 đồng (Hai mươi triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng).

- Số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 4477130.20 ngày 05/10/2020 tạm tính đến ngày 28/11/2024 là 345.091.873 đồng (Ba trăm bốn mươi lăm triệu không trăm chín mươi mốt nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 298.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 16.971.226 đồng (Mười sáu triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng) và nợ lãi quá hạn là 30.120.647 đồng (Ba mươi triệu một trăm hai mươi nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng).

Ngoài ra, ông T còn phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng và khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 29/11/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con nhãn hiệu KIA SELTOS, màu sơn đỏ-đen, số khung là RNYED51D7LC189954, số máy là G4LDLD074266, biển số 51H-796.64 theo Chứng nhận Đăng ký Xe Ô tô số 605701 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2020 cho ông Phạm Văn T theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1051909.20 ngày 05/10/2020 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngân hàng V cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1051909.20 ngày 05/10/2020 được xác lập giữa Ngân hàng V với ông T.

Bị đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T vẫn vắng mặt, không rõ lý do; ông T cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Do nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Ngân hàng V giữ nguyên yêu cầu ông Phạm Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/6/2019 và Hợp đồng tín dụng số 4477130.20 ngày 05/10/2020 tính đến ngày 26/8/2025 là 491.282.460 đồng (Bốn trăm chín mươi mốt triệu hai trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 337.660.595 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn là 16.971.226 đồng (Mười sáu triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng) và nợ lãi quá hạn, phí là 136.650.639 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng). Đồng thời, ông T còn phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng và khế ước nhận nợ đã ký từ ngày 27/8/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Đối với Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1051909.20 ngày 05/10/2020 được xác lập giữa Ngân hàng V với ông T và tài sản do ông T thế chấp cho Ngân hàng V là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu KIA SELTOS, màu sơn đỏ-đen, số khung là RNYED51D7LC189954, số máy là G4LDLD074266, biển số 51H-796.64 theo Chứng nhận Đăng ký Xe Ô tô số 605701 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2020 cho ông Phạm Văn T thì Ngân hàng V xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Phạm Văn T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

- Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tò và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T trả số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/6/2019 và khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 05/10/2020 được ký kết giữa các bên. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự có quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn ông Phạm Văn T hiện cư trú tại xã P, huyện B, Thành phố H nay là xã T, Thành phố H nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/6/2019 gồm Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 10/6/2019, Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V được ông Phạm Văn T và đại diện Ngân hàng V ký tên xác nhận có cơ sở xác định ông T đã được Ngân hàng V đồng ý cấp cho 01 (một) Thẻ tín dụng VFF (Classic) có số thẻ là 5128240001009164 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), để tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 4477130.20 ngày 05/10/2020 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4477130(1).20 ngày 06/10/2020 xác định ông T có thực hiện việc vay vốn tại Ngân hàng V với mục đích mua xe ô tô và đã được Ngân hàng V giải ngân đủ số tiền vay là 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng).

Căn cứ Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1051909.20 ngày 05/10/2020 và Thông tin đăng ký giao dịch bảo đảm, Hợp đồng có số đăng ký là 1384651509, thời điểm đăng ký ngày 06/10/2020 tại Cục đăng ký giao dịch bảo đảm và bồi thường Nhà nước xác định ông Phạm Văn T có thế chấp cho Ngân hàng V tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân ông T là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu KIA SELTOS, màu sơn đỏ-đen, số khung là RNYED51D7LC189954, số máy là G4LDLD074266, biển số 51H-796.64 theo Chứng nhận Đăng ký Xe Ô tô số 605701 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2020 cho ông Phạm Văn T để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của ông T đối với Ngân hàng V.

Như vậy, việc các bên thỏa thuận ký kết, thực hiện các giao dịch dân sự nêu trên là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 117, Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 298, Điều 317, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã phát sinh hiệu lực.

[3.2]. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 4477130.20 ngày 05/10/2020, ông T chỉ thanh toán cho Ngân hàng V được một phần tiền gốc và lãi thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 26/8/2025, ông T còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền là 397.699.435 đồng (Ba trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 298.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 16.971.226 đồng (Mười sáu triệu chín trăm bảy

mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng) và nợ lãi quá hạn là 82.728.209 đồng (Tám mươi hai triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm lẻ chín đồng).

[3.3]. Đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/6/2019 thì kể từ ngày được cấp và kích hoạt thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 318.097.015 đồng (Ba trăm mười tám triệu không trăm chín mươi bảy nghìn không trăm mười lăm đồng) và chỉ thanh toán lại cho Ngân hàng V tổng số tiền 224.512.990 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu năm trăm mười hai nghìn chín trăm chín mươi đồng). Sau đó, ông T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận mặc dù đã được Ngân hàng V nhiều lần nhắc nhở.

Theo quy định tại khoản 8.1 Điều 8 của Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V thì số tiền ông T đã trả cho Ngân hàng V sẽ được áp dụng thanh toán theo thứ tự như sau: Phí thường niên; Lãi; Phí rút tiền mặt; Các phí khác (phí vượt hạn mức, phí chậm thanh toán…); Các khoản giao dịch rút tiền mặt; Các khoản dư nợ trả góp đến hạn định kỳ; Các khoản giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ; Các khoản giao dịch khác.

Tính đến ngày 26/8/2025 ông T còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền là 93.583.025 đồng (Chín mươi ba triệu năm trăm tám mươi ba nghìn không trăm hai mươi lăm đồng), trong đó dư nợ gốc là 39.660.595 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng), tiền lãi và phí là 53.922.430 đồng (Năm mươi ba triệu chín trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi đồng).

[3.4]. Ngân hàng V yêu cầu ông T phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/6/2019 tính đến ngày 26/8/2025 là 93.583.025 đồng (Chín mươi ba triệu năm trăm tám mươi ba nghìn không trăm hai mươi lăm đồng) và số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 4477130.20 ngày 05/10/2020 tính đến ngày 26/8/2025 là 397.699.435 đồng (Ba trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi lăm đồng), tổng cộng là 491.282.460 đồng (Bốn trăm chín mươi mốt triệu hai trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi đồng); đồng thời ông T còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng, khế ước nhận nợ đã ký từ ngày 27/8/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3.5]. Theo kết quả xác minh của Công an xã P, huyện B, Thành phố H nay là Công an xã T, Thành phố H thì ông Phạm Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại Ấp B, xã P, huyện B, Thành phố H nay địa chỉ mới là Ấp S, xã T, Thành phố H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán ngay cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ của các hợp đồng tín dụng và tiền lãi, phí phát sinh, nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do ông T không phản đối yêu cầu

và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như ông T chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[3.6]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, ông T không thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ của các hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Ngân hàng V yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V số tiền còn nợ tính đến ngày 26/8/2025 của Hợp đồng tín dụng số 4477130.20 ngày 05/10/2020 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/6/2019 là 491.282.460 đồng (Bốn trăm chín mươi mốt triệu hai trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 337.660.595 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn là 16.971.226 đồng (Mười sáu triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng) và nợ lãi quá hạn, phí là 136.650.639 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng); đồng thời yêu cầu ông T tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng và khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 27/8/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 351, Điều 352, Điều 357, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ngân hàng V đều xác định Ngân hàng V không yêu cầu Tòa án giải quyết Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1051909.20 ngày 05/10/2020 được xác lập giữa Ngân hàng V với ông T cũng như tài sản do ông T thế chấp cho Ngân hàng V là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu KIA SELTOS, màu sơn đỏ-đen, số khung là RNYED51D7LC189954, số máy là G4LDLD074266, biển số 51H-796.64 theo Chứng nhận Đăng ký Xe Ô tô số 605701 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2020 cho ông Phạm Văn T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp sau này Ngân hàng V có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 351, Điều 352, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với ông Phạm Văn T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Phạm Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 4477130.20 ngày 05/10/2020 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/6/2019 là 491.282.460 đồng (Bốn trăm chín mươi mốt triệu hai trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 337.660.595 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn là 16.971.226 đồng (Mười sáu triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng) và nợ lãi quá hạn, phí là 136.650.639 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng).

Các đương sự thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 27/8/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và khế ước nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.651.298 đồng (Hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn hai trăm chín mươi tám đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.419.861 đồng (Mười triệu bốn trăm mười chín nghìn tám trăm sáu mươi mốt đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0052283 ngày 18/4/2025

của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Xuân Hương